

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày : 18-01-2023
“V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Dau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Thông báo số 42/TB-TA về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn

1.1. Ông NTB, sinh năm 1959 (Có mặt)

1.2. Bà TTMN, sinh năm 1961 (Có mặt)

1.3. Bà NTDC, sinh năm 1982 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn

2.1. Ông NPĐ, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

2.2. Bà NTKD, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

2.3. Bà NTTT, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

2.4. Ông NHD, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 04, Khóm VL, TTCD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Doan, bà Diễm, bà Tiên:

Ông NPH, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thúc Tân. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, các nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây vào ngày 21/10/2021, ông Doan, bà Diễm, ông Đăng và Tiên có hỏi vay tiền của ông Bình, bà Nhung và bà Chinh số tiền 6.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận. Từ khi vay đến nay ông Doan, bà Diễm, ông Đăng và bà Tiên không trả vốn và lãi cho ông Bình, bà Nhung và bà Chinh theo hợp đồng, là vi phạm nghĩa vụ. Nay ông Bình, bà Nhung và bà Chinh yêu cầu khởi kiện buộc ông Doan, bà Diễm, ông Đăng và bà Tiên trả số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 6.500.000.000 đồng, kể từ ngày vay là ngày 21/10/2021 cho đến ngày xét xử xong vụ án.

Bị đơn ông NPD, bà NTKD, ông NHD và bà NTTT: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông NTB, bà Trương Thị Mỹ Nhung và bà NTDC trình bày:

+ Tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng;

+ Tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với NHD, không yêu cầu nghĩa vụ liên đới của Hải Đăng cùng trả nợ vay;

+ Chỉ yêu cầu khởi kiện buộc các bị đơn gồm: Ông Doan, bà Diễm, ông bà Tiên cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bình, bà Nhung và bà Chinh số tiền nợ gốc là 6.500.000.000 đồng.

- Các bị đơn NPD, NTTT, NTKD ủy quyền cho ông NPH trình bày tại phiên tòa như sau: Các bị đơn Doan, Diễm, Tiên đều thừa nhận và thống nhất còn nợ nguyên đơn 6.500.000.000 đồng.

- Bị đơn ông NHD: Vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các nguyên đơn đã tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc 6.500.000 đồng và rút lại yêu cầu buộc nghĩa vụ liên đới đối với NHĐ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

Đối với yêu cầu của các nguyên đơn buộc các bị đơn Đoàn, Diễm, Tiên cùng có nghĩa vụ liên đới trả 6.500.000.000 đồng: Căn cứ Hợp đồng vay vốn ngày 21 tháng 10 năm 2012 thể hiện các bị đơn ký tên vào hợp đồng vay với số tiền 6.500.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án thì các bị đơn Diễm, Đoàn, Tiên đều không có ý kiến phản đối, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Diễm, Đoàn, Tiên thừa nhận và thống nhất bị đơn Diễm, Đoàn, Tiên còn nợ nguyên đơn Bình, Nhung, Chinh số tiền vay là 6.500.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đối với số tiền vay 6.500.000.000 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Về án phí và quyền kháng cáo xử lý theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp số tiền vay từ Hợp đồng vay tài sản đã ký kết nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản”, các bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông NHĐ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản được lập năm 2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[1.3] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng: Bị đơn ông Doan, bà Diễm và bà Tiên có văn bản ủy quyền cho ông NPH, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp VN, xã VT, huyện AP, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thúc Tân đề tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn NPH, NTKD, NTTT phải có nghĩa vụ trả tiền vay 6.5000.000 đồng.

Theo tài liệu, chứng cứ thể hiện như sau: Căn cứ Hợp đồng vay vốn ngày 21 tháng 10 năm 2012 thể hiện các bị đơn Doan, Diễm, Tiên có xác lập hợp đồng vay tiền, ký tên vào hợp đồng vay để vay của các nguyên đơn Bình, Nhung, Chinh với số tiền vay là 6.500.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì các bị đơn Diễm, Doan, Tiên được tổng đạt các văn bản tố tụng tham gia hòa giải, phiên họp, phiên tòa nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đồng thời, tại phiên tòa thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Diễm, Doan, Tiên thừa nhận và thống nhất các bị đơn Diễm, Doan, Tiên còn nợ nguyên đơn Bình, Nhung, Chinh số tiền vay là 6.500.000.000 đồng và bị đơn Diễm, Doan, Tiên đồng ý trả khoản tiền này. Do vậy, căn cứ vào quy định tại Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn có cơ sở chấp nhận, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với phần yêu cầu mà các nguyên đơn tự nguyện rút tại phiên tòa: Các nguyên đơn đã tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc 6.500.000 đồng và rút lại yêu cầu buộc nghĩa vụ liên đới đối với NPH, là hoàn toàn tự nguyện, không trái luật. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc 6.500.000.000 đồng; đình chỉ xét xử yêu cầu buộc nghĩa vụ liên đới của NHĐ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông NTB, bà TTMN, bà NTDC về việc yêu cầu các bị đơn NPĐ, NTKD, NTTT trả tiền còn nợ là 6.500.000.000 đồng.

Buộc các bị đơn NPĐ, NTKD, NTTT cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc 6.500.000.000 đồng (Sáu tỉ năm trăm triệu đồng) cho các nguyên đơn ông NTB, bà TTMN, bà NTDC.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông NPĐ, bà NTKD, bà NTTT cùng phải chịu 114.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông NTB, bà TTMN thuộc trường hợp người cao tuổi nên không phải nộp tạm ứng án phí dân sự.

- Nguyên đơn bà NTDC được nhận lại 37.660.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000287 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA